ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1528/QĐ-UBND	*Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 14 tháng 7 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2614 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu tại Tờ trình số 10 / TTr-HĐQL, ngày 01 tháng 7 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu, cụ thể:

1. Mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu được xác định trên cơ sở mức lãi suất huy động cá nhân bằng đồng Việt Nam trả lãi sau kỳ hạn 6 tháng bình quân của bốn Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Vũng Tàu; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu; Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu và Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu thông báo tại từng thời điểm cộng (+) thêm biên độ là 1%/năm đối với các dự án thuộc nhóm 1 và 1,5%/năm đối với các dự án thuộc nhóm 2.

2. Mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ chỉ được điều chỉnh khi lãi suất huy động bình quân của nhóm 4 ngân hàng thương mại nói trên tăng hoặc giảm với mức thay đổi lớn hơn 5%.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 2. Danh mục các dự án thuộc nhóm 01 và nhóm 02 được ban hành kèm theo Phụ lục của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành khung lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2014 -2015.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch & Đầu tư, Kho bạc nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; Giám đốc Quỹ; Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh và Thủ trưởng các Sở, Ngành, Cơ quan, Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh BRVT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

Phụ lục:

(Kèm theo Quyết định số 1548 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

I. Các dự án thuộc nhóm 01:

1. Logistics (kho bãi, vận tải và dịch vụ hậu cần cảng biển)

2. Đầu tư khu logistics tập trung.

3. Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng.

4. Đầu tư hạ tầng khu Công nghiệp chuyên sâu, công nghiệp hỗ trợ.

5. Hạ tầng huyện Côn Đảo.

6. Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, khí thải; đầu tư hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải,

7. Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

8. Đầu tư xây dựng và bảo vệ rừng phòng hộ, dự án bảo vệ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; Đầu tư hạ tầng sản xuất diêm nghiệp.

9. Đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn mới.

10. Đầu tư kết cấu hạ tầng các khu chế biến nông, lâm, hải sản tập trung.

11. Đầu tư xây dựng, mở rộng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, trường học.

12. Đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, ký túc xá sinh viên…).

II. Các dự án thuộc nhóm 02:

1. Đầu tư cảng và hậu cần cảng

2. Đầu tư kết cấu hạ tầng cơ bản phục vụ trực tiếp cho các dự án giao thông kết nối.

3. Đầu tư phát triển điện, sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng tái tạo.

4. Đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư, văn hoá, thể dục thể thao, công viên. Đầu tư xây dựng, cải tạo khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử tại địa phương.

5. Đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.

6. Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

7. Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp.

8. Di chuyển sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, cụm làng nghề.

9. Đầu tư xây dựng, cải tạo hồ chứa nước, công trình thuỷ lợi.

10. Đầu tư xây dựng siêu thị, chợ, trung tâm, thương mại, chỉnh trang đô thị

11. Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch.